

TÒA ÁN NHÂN DÂN

THỊ XÃ B

TỈNH T

Bản án số:61/2021/HS- ST

Ngày 14-12- 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Đình Hồng

Ông Lê Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huân - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:59/2021/TLST- HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:59/2021/QĐXXST-HS ngày 30/11/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung T; Sinh ngày: 17/02/1998; Sinh tại thị xã B, tỉnh T; Nơi cư trú: Tổ 9, phường B, thành phố T, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H; Con bà: Võ Thị L; Vợ, con: chưa; tiền sự: không; tiền án: 01 tiền án; Ngày 31/5/2018, Tòa án nhân dân thành phố Tam Đ, tỉnh Ninh B xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt ngày 31/5/2020; Ngày 12/8/2021, Tòa án nhân dân thành phố Tam Đ, tỉnh Ninh B xử phạt 05 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2021, hiện đang tạm giam tại Công an thị xã B.(Có mặt)

* Người bị hại: Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1983

Trú quán: Khu phố 3, phường P, thị xã B, tỉnh Thanh H(vắng mặt)

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị P - sinh năm 1966

Đ/c: Tổ 8, phường Trung Sơn, Thành phố T, tỉnh N(vắng mặt).

* Người làm chứng: Anh Hoàng Công H - sinh năm 1998

Đ/c: Khu phố 11, phường Ba Đình, thị xã B, tỉnh T(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Hoàng Công H, sinh năm 1998, trú tại: khu phố 11, phường B, thị xã B và anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983, trú tại: Khu phố 3, phường P, thị xã B với Nguyễn Trung Th có mối quan hệ bạn bè.

Khoảng 20 giờ ngày 26/8/2021, anh Đ mời Th và anh Hi đến phòng trọ ở khu phố 3, phường P, thị xã B chơi, uống rượu. Trong lúc ngồi uống rượu, anh Đ khoe với Th và H có 07 chỉ vàng đang cất ở khay đựng đá của quạt hơi nước để ở phòng khách, đồng thời mở ra cho T và H xem, sau đó cất lại vị trí cũ rồi cả ba tiếp tục uống rượu. Đến khoảng 01 giờ ngày 27/8/2021 thì T chở anh H ra thành phố Tam Đ, tỉnh Ninh B chơi.

Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T lại đưa anh H về nhà anh H ở phường B, thị xã B, sau đó quay về nhà mình. Trên đường về, T nảy sinh ý định trộm cắp vàng của anh Đ nên một mình điều khiển xe đến phòng trọ của anh Đ. Đến nơi, T thấy cửa cổng mở, cửa nhà khóa, quan sát thấy không có ai, biết khoảng thời gian này anh Đ thường đi làm vắng nhà, chìa khóa cất ở bờ tường sát cửa ra vào nên T đến bờ tường tìm được chìa khóa mở cửa vào nhà. Tại phòng khách, T đi tới chỗ chiếc quạt hơi nước, dùng tay mở nắp khay đựng đá lên nhìn thấy 02 chiếc hộp màu đỏ. T mở từng hộp ra thì thấy trong mỗi chiếc hộp có 02 chiếc nhẫn hình tròn màu vàng. Biết đây là 07 chỉ vàng mà anh Đ khoe, T lấy cả 04 chiếc nhẫn bỏ vào túi quần bên trái, sau đó, để 02 chiếc hộp lại vị trí cũ rồi quay ra khóa cửa nhà lại, mang chìa khóa cất lại vị trí ban đầu rồi điều khiển xe về nhà mình. Trên đường về, đến gần ngã ba quân đoàn thành phố T, T vào cửa hàng mua bán vàng Toàn Phương và bán cho chị Phạm Thị P (chủ cửa hàng) 02 chiếc nhẫn tròn màu vàng cân được 2,9 chỉ được số tiền: 14.600.000 đồng. Cầm tiền, T đến cửa hàng Viettel gần đó chuyển 13.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của T. Còn lại 1.600.000 đồng, T cất trong người để tiêu sài cá nhân. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi nói chuyện với anh H và chị Hà

Phương N (vợ cũ của anh Đ), biết hành vi trộm cắp của mình đã bị phát hiện, không thể trốn tránh nên T đã đến Công an phường P, thị xã B xin đầu thú, giao nộp 02 chiếc nhẫn vàng còn lại cùng số tiền 11.500.000 đồng, đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

04 chiếc nhẫn hình tròn màu vàng là tài sản của anh Nguyễn Văn Đ. Trong đó có 02 chiếc khi đầu thú T giao nộp cho Cơ quan Công an. Ngày 23/9/2021, Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh T giám định kết luận có tổng khối lượng 15,00 gam đều là vàng (Au), hàm lượng trung bình Au: 99,79%. Ngoài ra còn có bạc (Ag); hàm lượng trung bình Ag: 0,21%. Ngày 26/10/2021, Hội đồng định giá tài sản thị xã Bím S định giá kết luận hai chiếc nhẫn này có giá trị tại thời điểm cần định giá là: 20.800.000 đồng.

Đối với 02 chiếc nhẫn hình tròn màu vàng mà T đã bán cho cửa hàng vàng bạc Toàn Phương, chị P(chủ cửa hàng) đã cho vào nung chảy, chế tác lại và bán cho khách hàng nên không thu hồi được. Hội đồng định giá tài sản thị xã B định giá mô phỏng kết luận giá trị tại thời điểm cần định giá là 15.600.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản thiệt hại tại thời điểm bị xâm hại là: 36.400.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Chị Phạm Thị P khi mua 02 chiếc nhẫn vàng của Thiện không biết là tài sản do Thiện trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã B không xử lý đối với chị Phương là phù hợp.

* Về bồi thường thiệt hại và xử lý tài sản tạm giữ:

- Quá trình điều tra, T đã khắc phục hậu quả được tổng số tiền 14.500.000 đồng là tiền bán 02 chiếc nhẫn và giao nộp cho Cơ quan Công an 02 chiếc nhẫn còn lại. Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã trả lại cho anh Đ. Anh Đ đã nhận lại tài sản, không yêu cầu T phải bồi thường số tiền còn thiếu đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

- (01) một thẻ ATM của ngân hàng Viettinbank mang tên NGUYEN TRUNG THIEN, trên thẻ có số: 9704151524633642 được chuyển sang Chi cục THADS thị xã B để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số:65/CT-VKSBS ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố bị cáo Nguyễn Trung T về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38/BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T mức án từ 18 tháng đến 21 tháng tù.

Đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt tù của bản án ngày 12/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh B. Đề nghị buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của hai bản án.

- Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự để phạt tiền đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: 01 thẻ ATM của Ngân hàng Viettinbank mang tên Nguyen Trung Thien, trên thẻ có số 970415124633642 không phải là vật chứng của vụ án đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo.

* Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra, T đã khắc phục hậu quả được tổng số tiền 14.500.000đ là tiền bán hai chiếc nhẫn và giao nộp cho Cơ quan Công an 02 chiếc nhẫn còn lại. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại cho anh Đ. Anh Đ đã nhận lại tài sản không yêu cầu T phải bồi thường số tiền còn thiếu đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T nên miễn xét.

* Về án phí HSST: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt. Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa. Hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đầy đủ, việc vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trung T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 27/8/2021, tại phòng trọ của anh Nguyễn Văn Đ ở khu phố 3, phường P, thị xã B, tỉnh T, Nguyễn Trung T có hành vi lén lút lấy trộm 04 chiếc nhẫn tròn màu vàng trị giá 36.400.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*) của anh Nguyễn Văn Đ. Tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Hành vi của Nguyễn Trung T đã đủ yếu tố cấu thành tội " Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định xử lý tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, biết chỗ bị hại cất giấu chìa khóa cửa tự tiện lấy chìa khóa mở cửa vào nhà thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo, liều lĩnh. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang và gây dư

luyện xấu trong quần chúng nhân dân trên địa bàn, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, người phạm tội khắc phục hậu quả và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51/BLHS.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy: Bản thân bị cáo ngày 31/5/2018 đã bị xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội “ Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 31/5/2020 chưa được xóa án tích. Đến ngày 04/4/2021 bị cáo tiếp tục phạm tội bị Tòa án nhân dân Thành phố T ngày 12/8/2021 xử phạt 05 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” chưa đi chấp hành hình phạt tù lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bản chất của bị cáo là khó cải tạo, coi thường pháp luật, cố tình làm ngơ coi thường pháp luật, lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội, đồng thời bảo đảm tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự để phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 thẻ ATM của Ngân hàng Viettinbank mang tên Nguyen Trung Thien, trên thẻ có số 970415124633642 không phải là vật chứng của vụ án vì vậy, áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, T đã khắc phục hậu quả được tổng số tiền 14.500.000 đồng là tiền bán 02 chiếc nhẫn và giao nộp cho Cơ quan Công an 02 chiếc nhẫn còn lại. Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã trả lại cho anh Đ. Anh Đ

đã nhận lại tài sản, không yêu cầu Thiện phải bồi thường số tiền còn thiếu nên HĐXX miễn xét.

- Án phí HSST: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56 và Điều 38/BLHS;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung T đã phạm tội " Trộm cắp tài sản"

Xử phạt: Nguyễn Trung T 20(Hai mươi) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, cộng với 05 (Năm) tháng tù của bản án số: 53/2021/HSST ngày 12/8/2021 của Tòa án nhân dân Thành Phố Tam Đ, tỉnh Ninh B. Tổng hợp hình phạt chung của 2 bản án buộc bị cáo phải chấp hành 25(Hai mươi lăm) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (28/8/2021).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Trả lại cho bị cáo 01 thẻ ATM của ngân hàng Viettinbank mang tên NGUYEN TRUNG THIEN, trên thẻ có số: 9704151524633642 (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2021 giữa Cơ quan Công an và Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B).

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23NQ 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 và Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo; Bị cáo Nguyễn Trung T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(14/12/2021). Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã B ;
- VKS nhân dân tỉnh T
- Sở tư pháp tỉnh T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan DTCA B
- Bị cáo
- Bị hại
- Người có quyền lợi NVLQ
- THA Dân sự TX B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÓNG THỊ HÀ